



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG IX/2018



HÀ NỘI, THÁNG X/2018

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2018	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	3
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	8
8. Vùng Tây Nguyên	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2018	12
1. Đối với cây lúa	12
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	13
VI. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X-XII NĂM 2018.....	16
V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	17

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2018

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng IX/2018 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (-0,3°C đến 2,1°C), ngoại trừ khu vực Rạch Giá (Kiên Giang) có nền nhiệt thấp hơn TBNN 0,6°C (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -346mm đến 519mm. (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -64 giờ đến 76 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -10% đến 6%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng IX/2018 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

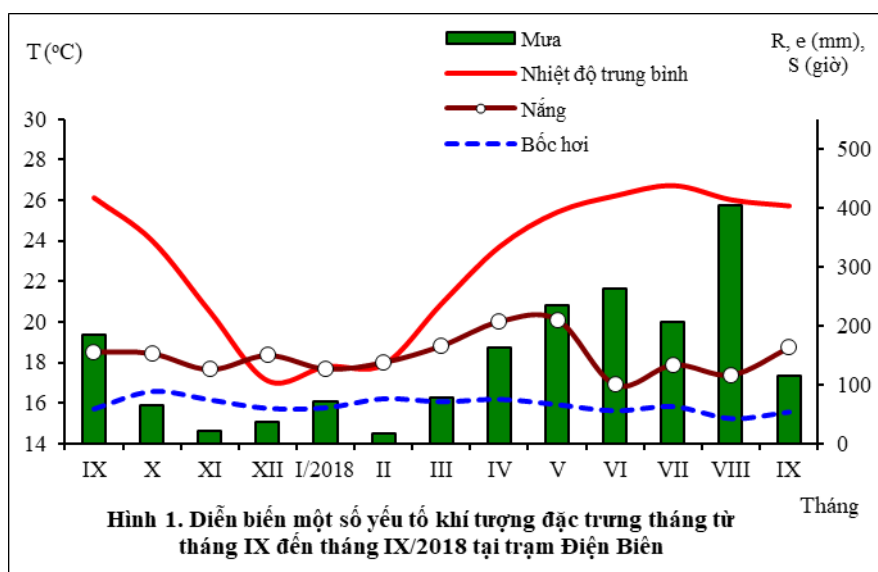
1.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,7 đến 1,8°C; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ 19,5°C đến 28,3°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ 17,3°C đến 25,4°C, giá trị thấp nhất là 13,5°C xảy ra vào ngày 24/IX tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 23,5°C đến 32,8°C, giá trị cao nhất là 37,3°C xảy ra vào ngày 25/IX tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa



- Tổng lượng mưa tháng IX/2018 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ 73mm đến 355mm, lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -280mm đến 129mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 23mm đến 149mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 19 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 10 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại Điện Biên (đại diện cho vùng Tây Bắc) được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IX/2018 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -41 giờ đến 28 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 116 giờ đến 199 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2018 dao động từ 77% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -9% đến 3%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 24/IX tại Cò Nồi.

- Tổng lượng bốc hơi tháng IX/2018 có giá trị phổ biến từ 34mm đến 120mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-321mm đến 33mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2-7mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 5 ngày với cường độ nhẹ.

- Mưa phùn xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 5 ngày

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 10 ngày

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng IX/2018 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,5⁰C đến 2,1⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 19,1⁰C đến 29,3⁰C

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,0⁰C đến 25,5⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,1⁰C xảy ra vào ngày 8/IX tại Sapa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,2⁰C đến 32,5⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 38,0⁰C xảy ra vào ngày 16/IX tại Lào Cai.

2.2. Diễn biến về mưa

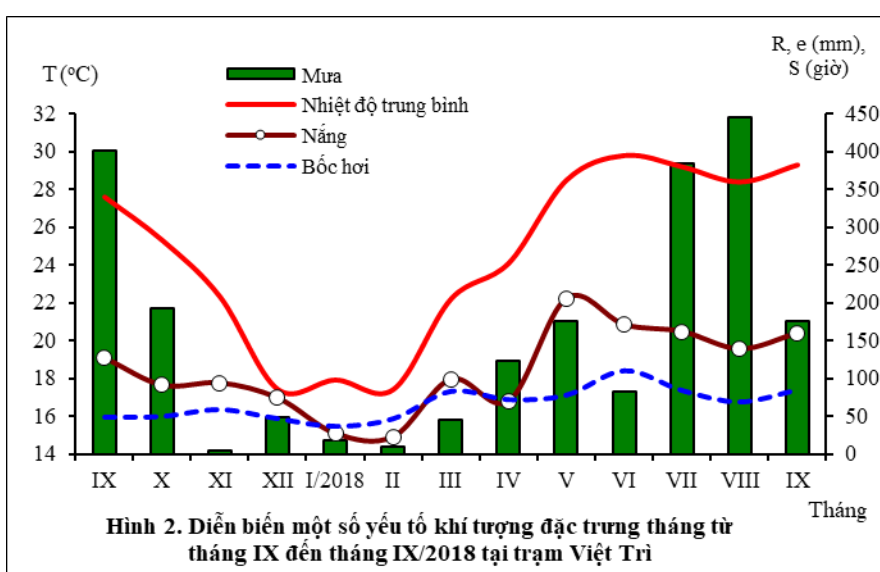
Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 39 mm đến 399mm; cao nhất là 944mm tại Bắc Quang, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ -129mm đến 519mm. Diễn biến của tổng lượng mưa tháng ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 17mm đến 122mm, cao nhất là 328mm xảy ra vào ngày 26/IX tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 8 – 18 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 10 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng IX/2018 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 78 giờ đến 180 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-31 giờ đến 16 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2018 tại trạm Việt Trì

khí trung bình tháng IX/2018 phổ biến từ 78 đến 92%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-6% đến 3%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40%, xảy ra vào ngày 16/IX tại Mù Căng Chải.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 29mm đến 102mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-890mm đến -27mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 6mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xảy ra ở một số nơi từ 1 – 4 ngày, trong đó có 1-2 ngày có cường độ mạnh.

- Đông xảy ra ở một số khu vực từ 2 đến 9 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

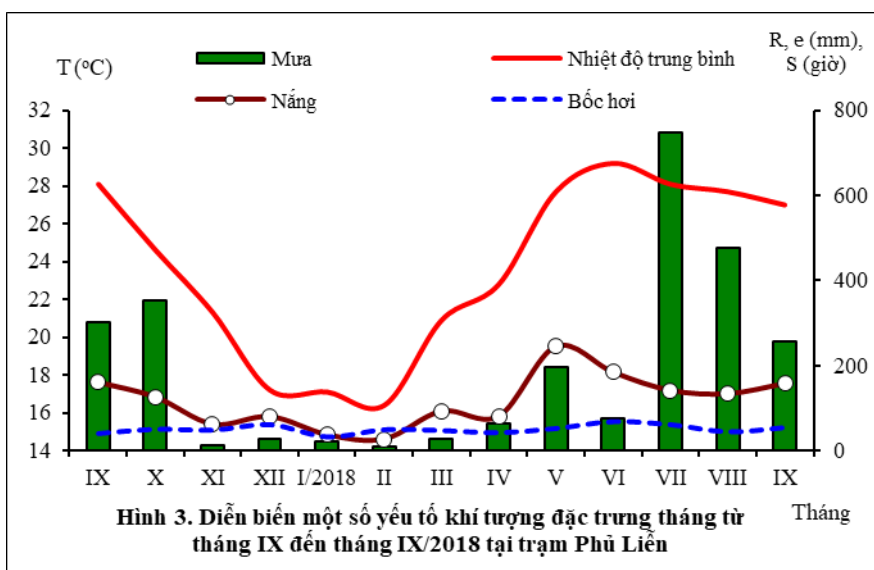
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,2°C đến 0,9°C; có giá trị dao động từ 24,5°C đến 28,2°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 29,8°C đến 32,5°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 36,2°C xảy ra vào các ngày 6/IX tại Lục Ngạn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 21,5°C đến 25,4°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 18,2°C xảy ra vào ngày 30/IX tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Lễn được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng IX/2018 dao động phổ biến từ 116mm đến 360mm, cao nhất là 416mm tại Bãi Cháy, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-59mm đến 85mm) (hình 11).



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2018 tại trạm Phù Lễn

Giá trị lượng mưa

ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 22 đến 131mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 - 13 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 4 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Lễn) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IX/2018 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-64 giờ đến -10 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 143 giờ đến 179 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2018 ở các nơi dao động phổ biến từ 75 đến 91%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 6%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 12/IX tại Móng Cái.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 52mm đến 87mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa - 283mm đến -35mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 6mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

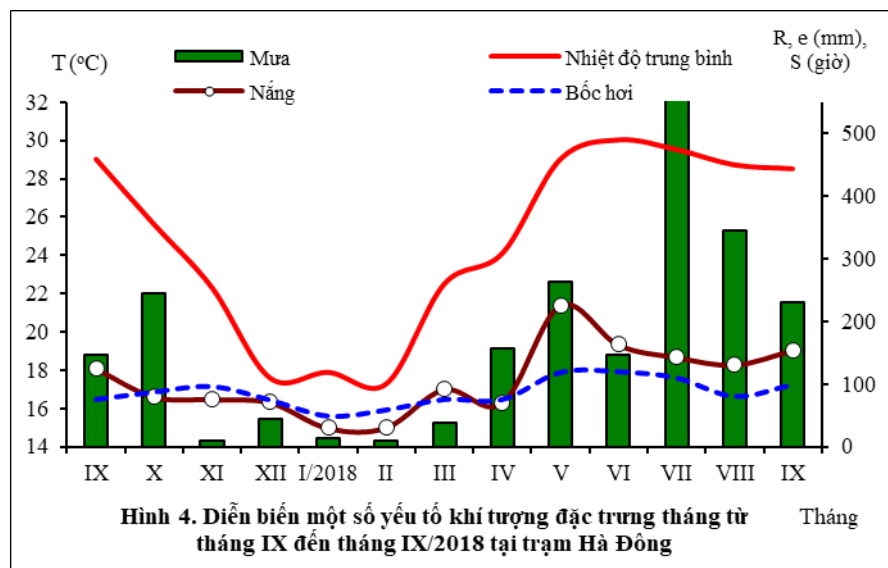
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 2 – 8 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 3 ngày với cường độ nhẹ.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 27,7⁰C đến 29,0⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,6⁰C đến 1,8⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2018 tại trạm Hà Đông

trung bình tháng từ 30,8⁰C đến 33,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,5⁰C xảy ra vào ngày 16/IX tại Sơn Tây;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 24,9⁰C đến 26,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,2⁰C xảy ra vào ngày 9/IX tại Thái Bình. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -211mm đến -11mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 114mm đến 280mm, cao nhất là 316mm xảy ra tại Bắc Ninh.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 23 đến 140mm, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 đến 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2018 ở các nơi trong vùng dao động từ 120 giờ đến 185 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -40 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 75% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-10% đến 3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 30/IX tại Hà Đông.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 53mm đến 99mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -205mm đến -29mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây không nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 2 ngày với cường độ nhẹ.

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 2 đến 10 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

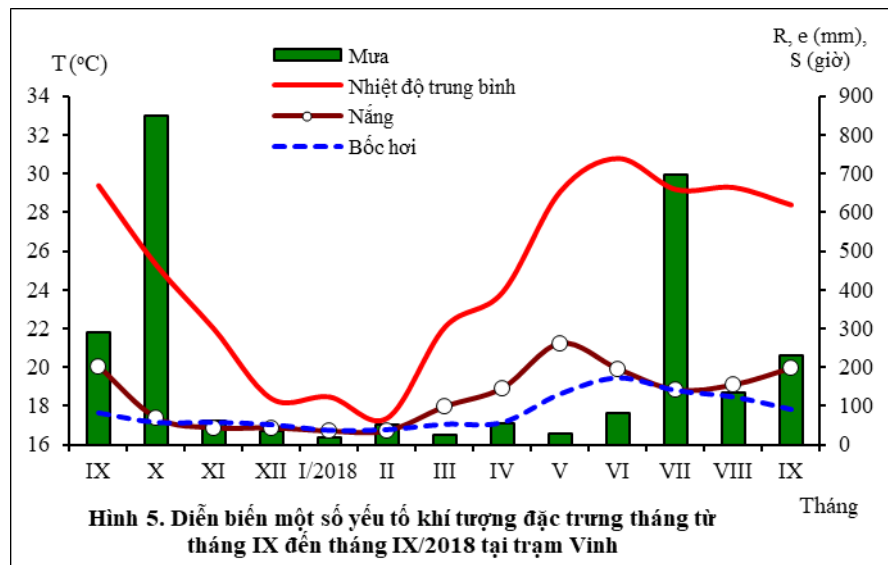
5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,5^{\circ}\text{C}$ đến $1,9^{\circ}\text{C}$ (hình 10) và có giá trị từ $26,8^{\circ}\text{C}$ đến $28,4^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $31,5^{\circ}\text{C}$ đến $33,5^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $38,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 6/IX tại Con Cuông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $23,0^{\circ}\text{C}$ đến $25,8^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $22,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 10/IX tại Quỳnh Hợp. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa



- Trong tháng VIII/2018, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 86mm đến 441mm. Tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -346mm đến -56mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 22 đến 123mm, cao nhất là 133mm xảy ra vào ngày 9/IX tại Kỳ Anh và 137mm xảy ra vào ngày 28/IX tại Tĩnh Gia.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 - 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 5 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 160 đến 214 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 10 giờ đến 54 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 79% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-8% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41% xảy ra vào ngày 22/IX tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 48mm đến 91mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-356mm đến -20mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 7 ngày trong đó có 1 ngày có cường độ mạnh.

- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 3 – 13 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2018 từ 24,4⁰C đến 28,9⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,6⁰C đến 1,8⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,8⁰C đến 34,0⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,7⁰C xảy ra vào ngày 6/IX tại Tuyên Hóa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,8⁰C đến 25,7⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 19,8⁰C xảy ra vào ngày 22/IX tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa trong tháng IX/2018 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -335mm đến -82mm. Lượng mưa ở Trung Trung Bộ dao động từ 131 – 262mm, cao nhất là 333mm tại Ba Đồn.

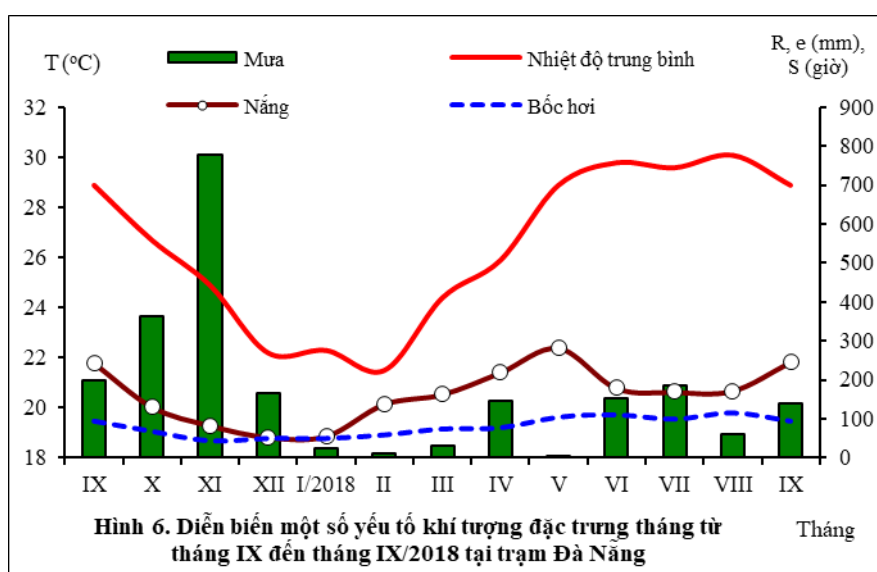
- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 30 mm đến 82mm, cao nhất là 145mm xảy ra vào ngày 29/IX tại Tuyên Hóa.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 đến 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 161 giờ đến 246 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 71 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 77% đến 88%, phổ biến



ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 3%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41% xảy ra vào ngày 4/IX tại Ba Tư.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 42mm đến 118mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 8mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-236mm đến -47mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 5 - 17 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 9 ngày với cường độ nhẹ.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

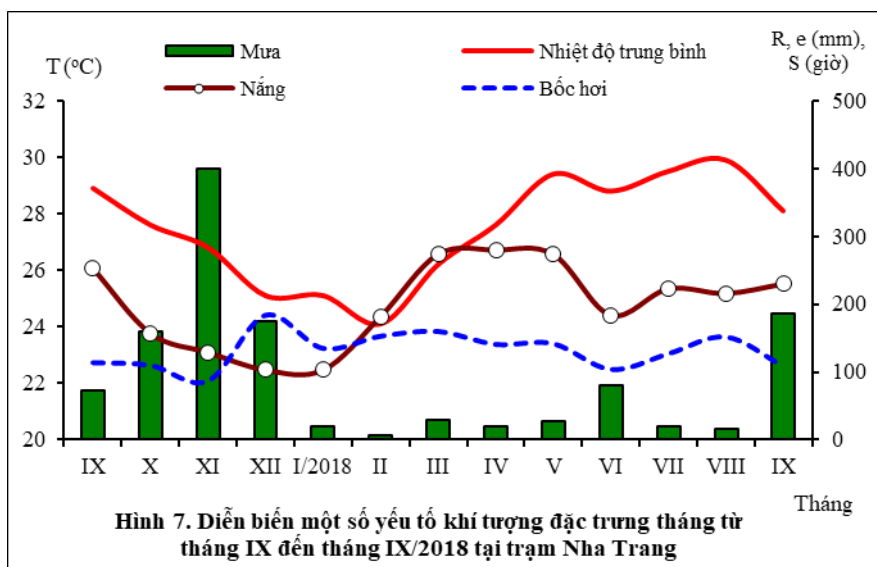
Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2018 từ 27,7⁰C đến 29,2⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,6⁰C đến 1,1⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,8⁰C đến 34,1⁰C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,4⁰C xảy ra vào ngày 2/IX tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,5⁰C đến 26,5⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,0⁰C, xảy ra vào ngày 13/IX tại Tuy Hòa. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VIII/2018, ở hầu hết các khu vực lượng mưa dao động từ 94mm đến 258mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -27mm đến 67mm). Diễn



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2018 tại trạm Nha Trang

biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 18mm đến 59mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 14 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 4 đến 8 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2018 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 216 giờ đến 264 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (17 giờ đến 61 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 77% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -4% đến 3%, (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 43% xảy ra vào ngày 1/IX tại Hoài Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 74mm đến 109mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-176mm đến -76mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 6 - 15 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 9 ngày trong đó có 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2018 từ $19,0^{\circ}\text{C}$ đến $27,0^{\circ}\text{C}$; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,2^{\circ}\text{C}$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $24,1^{\circ}\text{C}$

đến $32,3^{\circ}\text{C}$; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $34,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 2/IX tại Ayunpa.

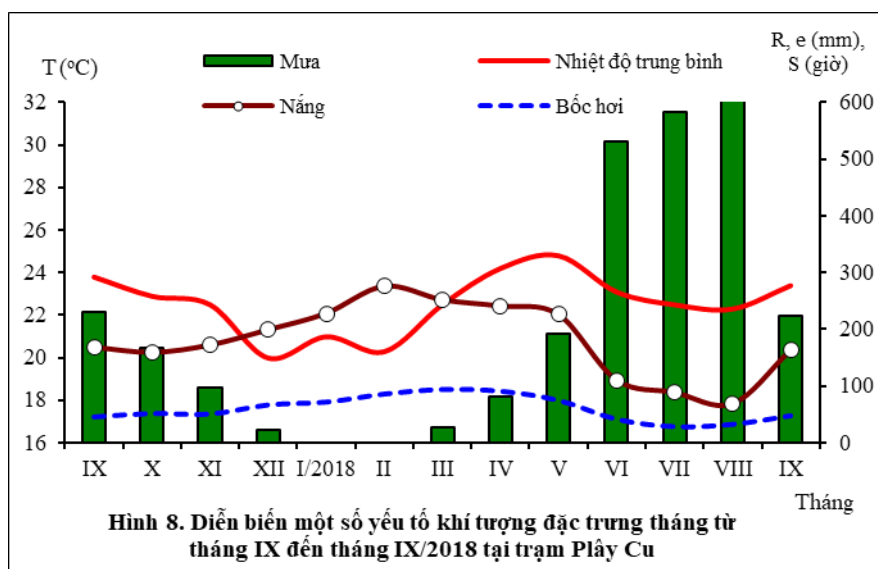
- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $16,2$ đến $24,0^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $14,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 8/IX tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2018 ở khu vực Tây Nguyên có lượng mưa 120 đến 484mm, cao nhất là 515mm tại Liên Khương. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -137mm đến 101mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 31mm đến 90mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 20 đến 30 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 30 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 0 đến 4 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2018 tại trạm Plây Cu

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2018 phổ biến từ 148 giờ đến 221 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (5 giờ đến 76 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -5% đến -2% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 80% đến 89%; độ ẩm không khí thấp nhất là 44% xảy ra vào ngày 8/IX tại M'Drak.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 29mm đến 83mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa từ -449mm đến -116mm.

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 25 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2018 từ 25,9⁰C đến 28,2⁰C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,2⁰C đến 1,3⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ

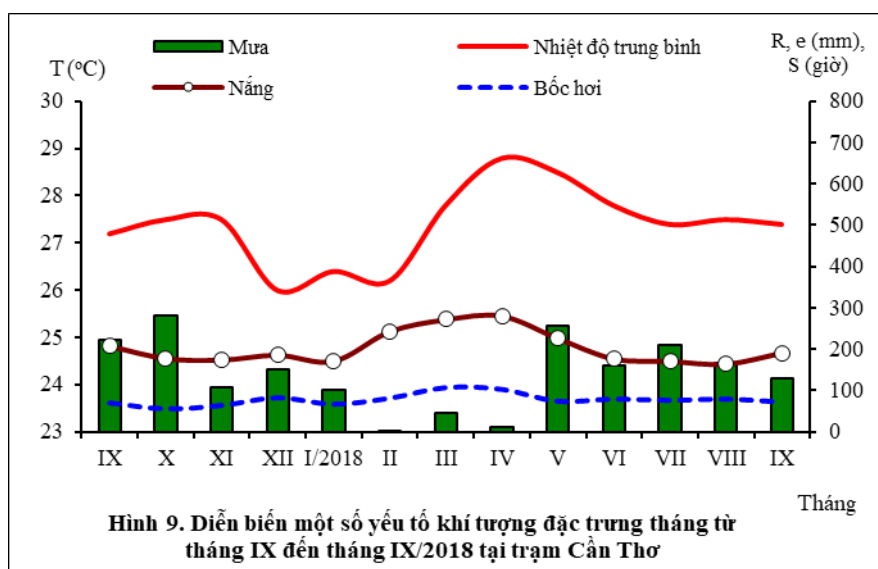
29,7⁰C đến 33,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,6⁰C xảy ra vào ngày 2/IX tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,1⁰C đến 26,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,4⁰C xảy ra vào ngày 13/IX tại Xuân Lộc. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2018 dao động phổ biến từ 129mm đến 553mm, cao nhất là 697mm xảy ra tại Trại An. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-148mm đến 155mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 22mm đến 115mm.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2018 tại trạm Cần Thơ

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 17 đến 28 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 25 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2018 phổ biến từ 134 giờ đến 209 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-20 giờ đến 24 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -7% đến 2% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 48% xảy ra vào ngày 5/IX tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 21mm đến 142mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-352mm đến -56mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 4 - 26 ngày.

V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2018

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng IX/2018 ở nhiều vùng của nước ta tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt cao, số giờ nắng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN, lượng mưa và số ngày mưa ở hầu hết các khu vực trong cả nước đều cao, phân bố đều trong tháng tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng và phát triển.

Trong tháng các địa phương miền Bắc bắt đầu thu hoạch trà lúa mùa sớm, tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ mùa/hè thu; các địa phương miền Nam tập trung thu hoạch nhanh gọn lúa hè thu, tiếp tục gieo cấy lúa thu đông/mùa và gieo trồng rau, màu cây công nghiệp ngăn ngày vụ hè thu/mùa

1. Đối với cây lúa

- *Lúa mùa*: Tính đến ngày cuối tháng, cả nước đã gieo cấy được 1.452,8 nghìn ha lúa Mùa, bằng 98% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.115,2 nghìn ha, bằng 98,3%, các địa phương phía Nam gieo cấy 337,5 nghìn ha, bằng 77,5%.

Diện tích gieo cấy lúa Mùa các tỉnh phía Bắc năm nay đạt thấp, trong đó vùng ĐBSH ước đạt 525,9 nghìn ha, giảm 9,5 nghìn ha so với vụ mùa năm trước; các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc ước đạt 426,0 nghìn ha, giảm 3 nghìn ha; các tỉnh Bắc Trung Bộ ước đạt 162,8 nghìn ha, giảm 6,4 nghìn ha. Diện tích lúa Mùa của các tỉnh phía Bắc giảm do một số nguyên nhân như chuyển đổi mục đích sử dụng; 8,9 nghìn ha chuyển sang cây trồng khác và nuôi trồng thủy sản; còn lại không sản xuất do khó khăn trong khâu tưới tiêu và do bị ngập úng, sạt lở.

Đến nay, lúa mùa tại các địa phương phía Bắc đang trong giai đoạn trổ bông, trà lúa sớm đang trong giai đoạn vào chắc và chín, đã cho thu hoạch được gần 200,5 nghìn ha. Do thời tiết vụ mùa năm nay thuận lợi hơn nên dự ước năng suất đạt khoảng 49 tạ/ha, tăng khoảng 3 tạ/ha so cùng kỳ.

- *Lúa hè thu*: Tính đến cuối tháng IX, cả nước gieo cấy được 2.055 nghìn ha lúa Hè thu, bằng 97,5% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 174,3 nghìn ha, bằng 98,5%; các địa phương phía Nam đạt 1.880,6 nghìn ha, bằng 97,4%. Hiện nay các địa phương phía Nam, lúa Hè thu sớm đã cho thu hoạch 1694,3 nghìn ha, bằng 96,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng ĐBSCL đạt 1452,9 nghìn ha, bằng 94,9%. Tiến độ gieo trồng và thu hoạch lúa Hè thu chậm so thời điểm cùng kỳ năm trước, chủ yếu do ảnh hưởng tiến độ gieo trồng và thu hoạch vụ Đông xuân.

Năng suất lúa Hè thu cả nước năm nay ước tính đạt 54,1 tạ/ha, tăng 0,1 tạ/ha so với vụ Hè thu năm 2017; sản lượng đạt gần 11,2 triệu tấn, giảm 47,7 nghìn tấn, trong đó vùng ĐBSCL đạt 8,7 triệu tấn, giảm 30,5 nghìn tấn. Như vậy, tuy năng suất có tăng nhẹ nhưng sản lượng chung toàn vụ vẫn giảm do diện tích gieo trồng giảm ở hầu hết các địa phương.

- *Lúa Thu đông*: Tính đến cuối tháng IX, các tỉnh ĐBSCL đã xuống giống 652,6 nghìn ha, bằng 92,4% cùng kỳ. Diện tích gieo trồng lúa Thu đông chậm hơn cùng kỳ do vụ Hè thu xuống giống trễ và kéo dài, hơn nữa lũ năm nay về sớm và lên nhanh do ảnh hưởng của mưa bão, nhiều diện tích không thể gieo trồng. Hiện lúa Thu đông đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đòng; sinh trưởng và phát triển khá

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài việc tập trung chăm sóc, thu hoạch lúa hè thu, lúa mùa, các địa phương trên cả nước còn đẩy mạnh gieo trồng các loại cây hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Nhìn chung các cây màu gặp thời tiết thuận lợi, sinh trưởng và phát triển tốt.

Tính đến cuối tháng IX, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 1.013 nghìn ha ngô, bằng 97,2% cùng kỳ năm trước; 110,7 nghìn ha khoai lang, bằng 99,2 %; 182,6 nghìn ha lạc, bằng 98,2%; 56 nghìn ha đậu tương, bằng 85,8%; 974,8 nghìn ha rau, đậu, bằng 103.5% .

Ở Đồng bằng Bắc Bộ ngô đang trong giai đoạn lá thứ 7, trạng thái sinh trưởng và phát triển khá, đậu tương lá kép thứ 3 trạng thái sinh trưởng và phát triển khá.

Ở Bắc Trung Bộ lạc đang trong giai đoạn hình thành củ, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Ở Tây Nguyên và Xuân Lộc cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả và quả chín, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng IX/2018

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn lá thật 1	Khá	TB	
2		Văn Chấn	Chuyển vụ			
3		Điện Biên	Lúa mùa chín hoàn toàn	TB	TB	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè chắc xanh	TB	ẩm	
5	Đông Bắc	Lạng Sơn	Lúa mùa	TB	3cm	
6		Bắc Giang	Lúa mùa chín hoàn toàn	Khá	3cm	
7		Uông Bí	Lúa mùa ngậm sữa - chắc xanh	Khá	3 cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn búp hái	TB	ẩm	
9		Ba Vì	Chè lớn nảy chồi	TB	TB	
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa chín hoàn toàn	TB	3 cm	
11		Hoài Đức	Lúa mùa chín hoàn toàn	Khá	24cm	
			Ngô lá thứ 7	Khá	Ấm	
			Đậu tương lá kép thứ 3	Khá	Ấm	
12		Hải Dương	Lúa mùa chắc xanh	Khá	3 cm	

13		Hưng Yên	Lúa mùa chín hoàn toàn	Khá	3 cm	
14		Nam Định	Lúa mùa chín hoàn toàn	TB	4 cm	
15		Ninh Bình	Lúa mùa chắc xanh	TB	3 cm	
16		Thái Bình	Lúa mùa ngâm sữa	Khá	3 cm	
17	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc hình thành củ Đậu tương thu hoạch	Kém	TB	
18		Thanh Hoá	Thu hoạch lúa mùa			
20		Quỳnh Lưu	Chuyển vụ			
21		Đô Lương	Thu hoạch lúa mùa			
22	Nam Trung Bộ	An Nhơn	Chuyển vụ			
23		Tuy Hoà	Chuyển vụ			
24	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	Âm	
25	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê quả chín	TB	Quá âm	
26		Mỹ Tho	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3 cm	
27		Bạc Liêu	Lúa hè thu chín HT Lúa mùa lá thứ 3, thứ 5	TB Khá	4 cm 3cm	
28		Trà Nóc	Lúa hè thu chắc xanh	TB	3 cm	

3. Tình hình sâu bệnh

Theo Cục Bảo vệ thực vật tình hình sinh vật gây hại cây lúa trong tháng IX diễn ra như sau:

- *Rầy hại lúa*: Diện tích nhiễm 25.320 ha, nhiễm nặng 1.141 ha, mất trắng 0,1 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Bắc Bộ.

- *Bệnh VL, LXL*: diện tích nhiễm 150 ha. Bệnh xuất hiện và gây hại tại tỉnh Kiên Giang.

- *Bệnh lùn sọc đen*: Diện tích nhiễm 588,9 ha, nhiễm nặng 34,5 ha, mất trắng 03 ha (Hải Phòng). Phân bố tại Nghệ An, Quảng Trị, Ninh Bình, Bắc Kạn, Hải Phòng, Thái Bình, Hòa Bình...

- *Bệnh đạo ôn*:

+ *Bệnh đạo ôn hại lá*: Diện tích nhiễm 4.078 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Bạc Liêu, ...

+ *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 2.370 ha, nhiễm nặng 28 ha, mất trắng 7,2 ha (Bắc Kạn). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Hậu Giang, Trà

Vinh, Tây Ninh, Long An ...

- *Sâu năn*: Diện tích nhiễm 5.786 ha, nhiễm nặng 215 ha. Tập trung tại các tỉnh Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng.

- *Sâu đục thân*: Diện tích nhiễm 23.199 ha, nhiễm nặng 1.094 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc Bộ.

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích nhiễm 58.832 ha, nhiễm nặng 11.010 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc bộ.

- *Bệnh bạc lá*: Diện tích nhiễm 15.889 ha, nhiễm nặng 991 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ và Bắc bộ.

- *Bệnh đốm sọc vi khuẩn*: Diện tích nhiễm 2.826 ha, nhiễm nặng 744 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Bắc bộ.

- *Bệnh khô vằn*: Diện tích nhiễm 134.456 ha, nhiễm nặng 9.937 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Bắc bộ và Bắc Trung bộ.

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 8.048 ha, nhiễm nặng 334 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Nam bộ và Bắc bộ.

- *Chuột*: Diện tích hại 14.306 ha, nặng 1.266 ha, mất trắng 12 ha (Hải Phòng). Phân bố tập trung tại các tỉnh Bắc bộ.

- *Ốc bươu vàng*: Diện tích hại 2.153 ha, nhiễm nặng 30 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

Các đối tượng sinh vật khác gây hại nhẹ như: Bọ trĩ (668 ha), Bọ xít dài (1.036 ha, nhiễm nặng 10 ha), bệnh đốm nâu (602ha) ...

V. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X-XII NĂM 2018

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ 3 tháng X - XII năm 2018 có khả năng từ xấp xỉ đến lớn hơn TBNN trên hầu hết diện tích cả nước, với xác suất 55 đến trên 77%; thấp hơn TBNN ở Nam Trung Bộ, Tây Nam Bộ và một phần tỉnh Lai Châu với xác suất từ 66 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0 đến 1,5°C

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa tháng X - XII năm 2018 có khả năng từ xấp xỉ đến lớn hơn TBNN trên phần lớn diện tích cả nước, với xác suất 44 đến trên 77%; thấp hơn TBNN ở Tây Bắc Bộ và đa phần Đông Bắc, với xác suất từ 44 đến trên 77%. Chuẩn sai lượng mưa được dự báo phổ biến từ -200 đến 400mm.

3.3. Hiện tượng cực đoan

Xoáy thuận nhiệt đới: Trong các tháng cuối năm 2018, có khoảng từ 2 đến 3 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và từ 1 đến 2 XTNĐ ảnh hưởng đến đất liền nước ta.

Không khí lạnh: Hoạt động của KKL được nhận định sẽ yếu hơn và đến muộn hơn so với TBNN.

Điều kiện khô hạn: Tình trạng khô hạn ở mức từ mức xấp xỉ đến nghiêm trọng hơn TBNN trong các tháng mùa khô cuối năm 2018 - đầu năm 2019 ở Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ

V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng IX và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng X, XI và XII/2018 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tập trung thu hoạch lúa mùa sớm và trung vụ;
- Tập trung làm đất gieo trồng rau màu và các cây vụ đông: ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt đối với bệnh lùn sọc đen và sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân và rầy;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

2. Miền Trung

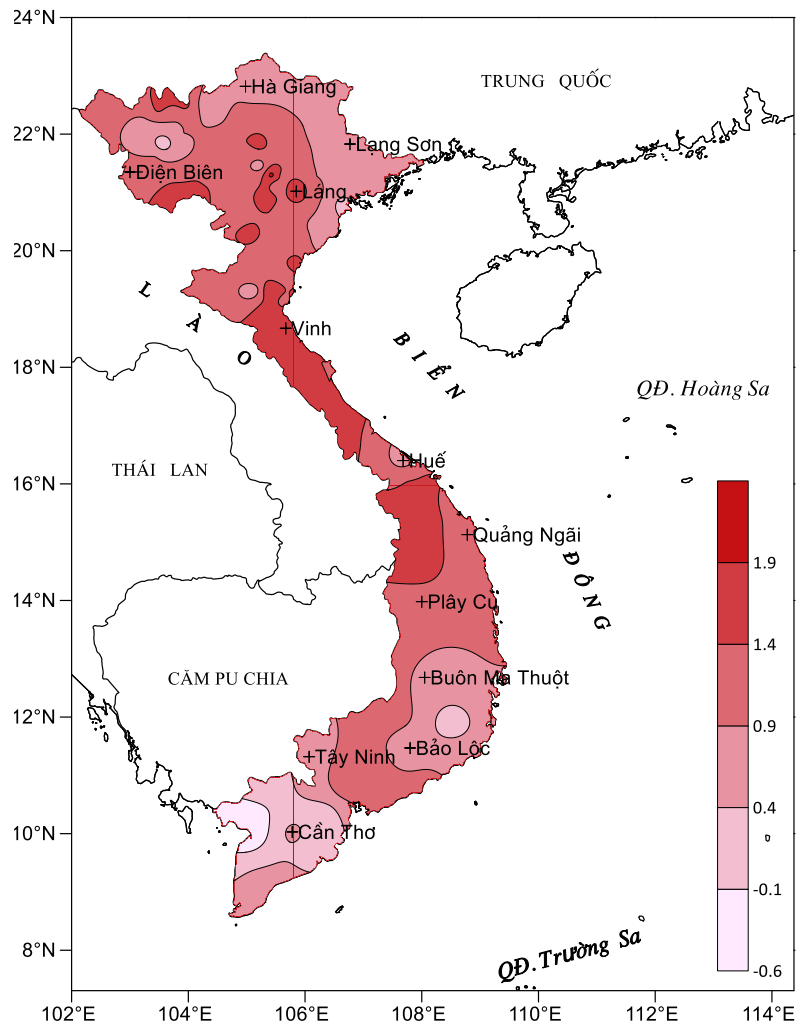
- Tập trung thu hoạch lúa mùa và làm đất gieo trồng các cây vụ đông;
- Tập trung khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét, sạt lở đất ở những khu vực miền núi và những nơi có địa hình dốc cao.

3. Miền Nam

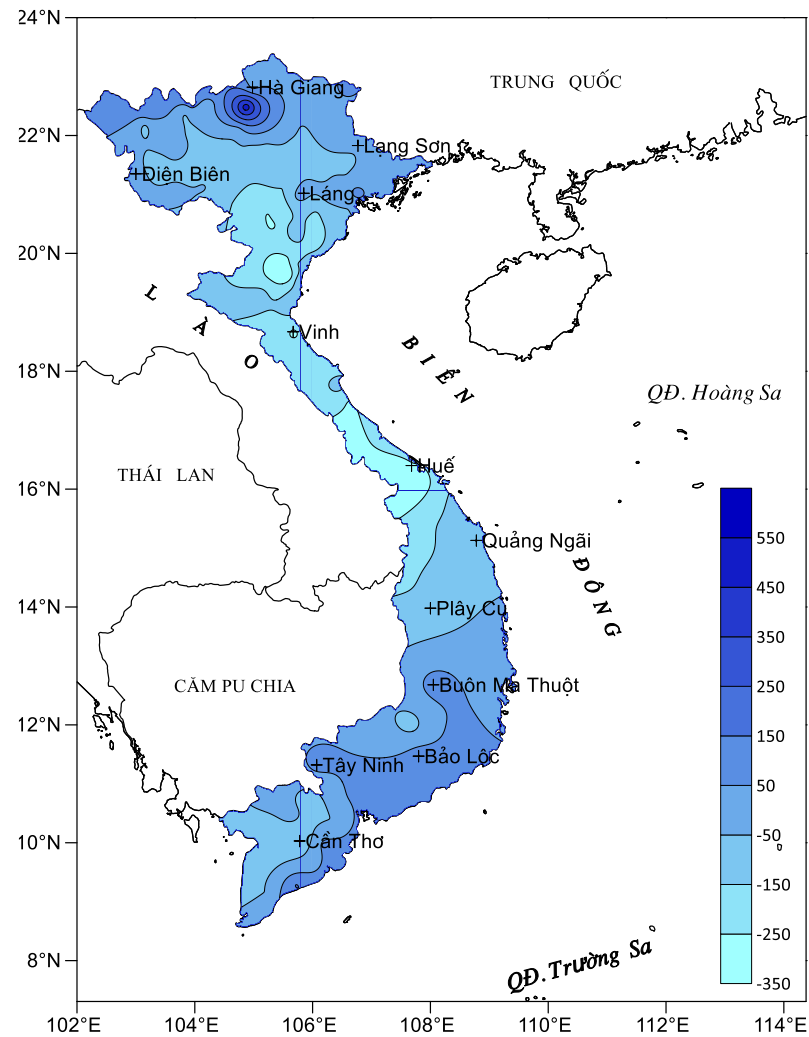
- Tập trung chăm sóc lúa mùa;
- Tăng cường các biện pháp chống úng do mưa bão và triều cường;
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là bệnh đạo ôn và bệnh lem lép hạt.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

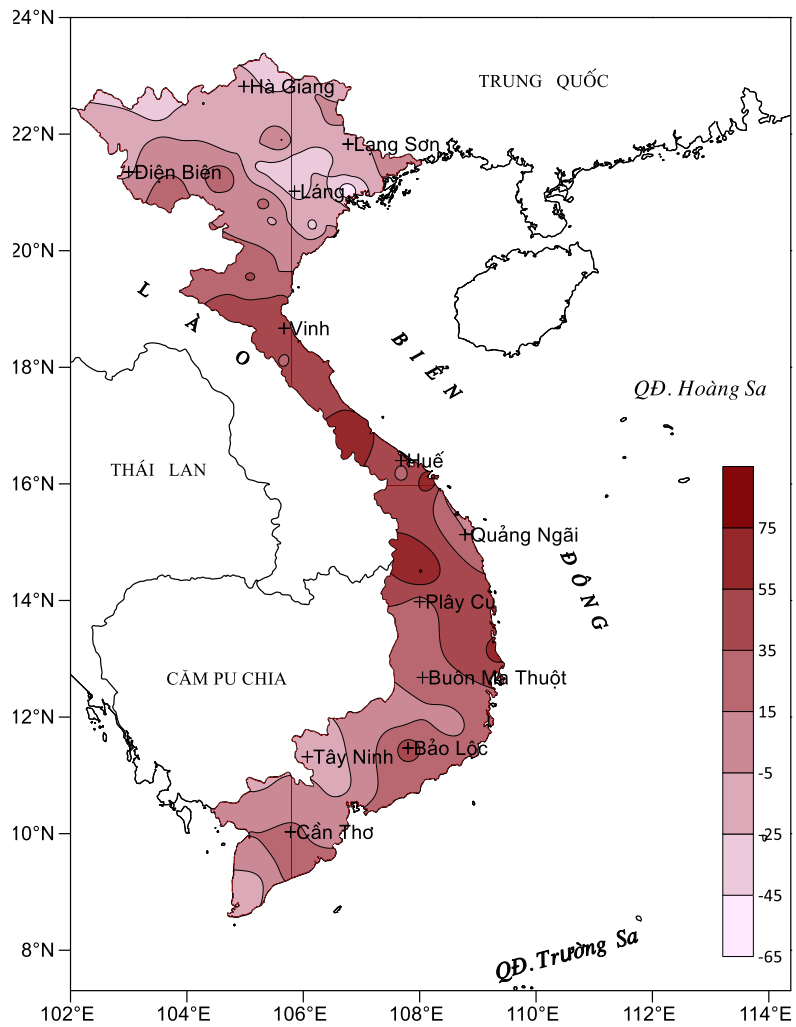
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng X, XI, XII năm 2018;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng X năm 2018 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng IX năm 2018 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



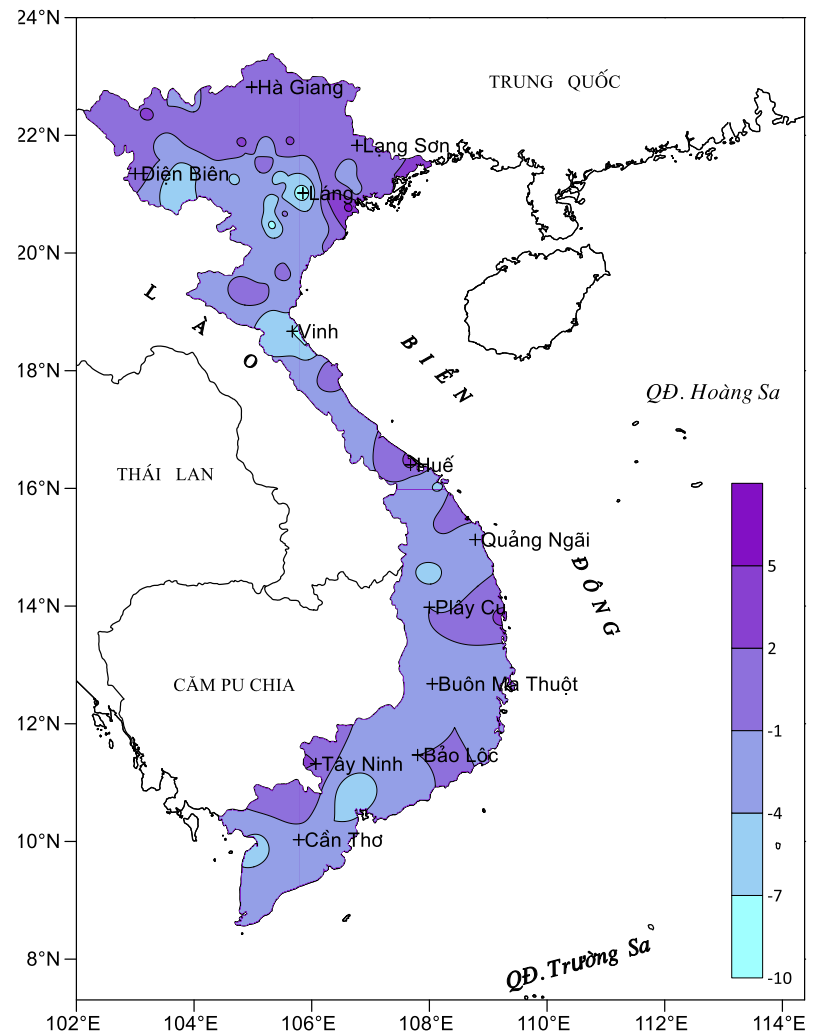
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng IX/2018 so với TBNN (°C)



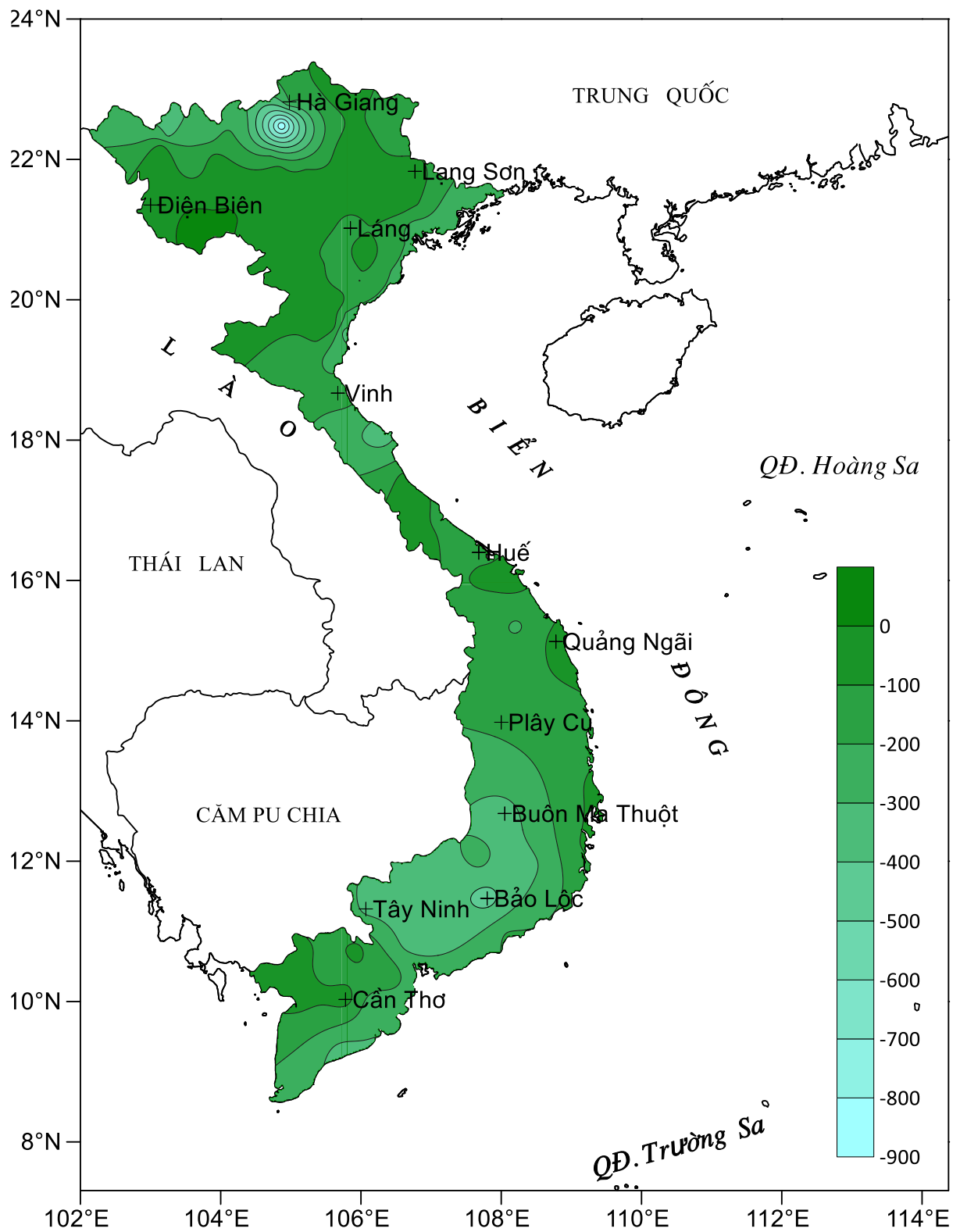
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng IX/2018 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng IX/2018 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng IX/2018 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng IX/2018(mm)